

Số: /BC-UBND

Yên Mỹ, ngày

tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Đông Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

- Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh: Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 29/11/2021 về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 về việc quy định xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 24/4/2024, Sửa đổi một số nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Hưng Yên về Hướng dẫn đánh giá nội dung các tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 02/5/2024 của UBND huyện Yên Mỹ về Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu huyện Yên Mỹ năm 2024; Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Yên Mỹ về việc thành lập Đoàn thẩm tra xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu năm 2024;

- Căn cứ Tờ trình số 681/TTr-UBND ngày 07/11/2024 của UBND xã Đồng Than về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Đồng Than đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

- Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đồng Than. UBND huyện Yên Mỹ báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Đồng Than, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 08/11/2024).

1. Về hồ sơ:

Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Đồng Than đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024, gồm:

- Tờ trình số 681/TTr-UBND ngày 07/11/2024 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Đồng Than đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

- Biên bản họp ngày 07/11/2024 đề nghị xét, công nhận xã Đồng Than đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

- Báo cáo số 678/BC-UBND ngày 22/10/2024 của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024 của xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên và các phụ biểu kèm theo.

- Báo cáo số 682/BC-UBND ngày 07/11/2024 của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 trên địa bàn xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Báo cáo số 679/BC-UBND ngày 22/10/2024 của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Một số hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Đồng Than.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo của cấp trên về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND xã Đồng Than đã kịp thời ban hành các quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban giám sát, Ban tuyên truyền về chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của xã.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của BCD chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh và huyện, BCD xã đã tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể của xã và các tiểu ban ở các thôn cơ bản thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy, kế hoạch của UBND xã. Đảng ủy, UBND xã, Ban chỉ đạo xã đã triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn của tỉnh, của huyện về xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Ban chỉ đạo xã đã phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn, các cơ quan chức năng cấp trên chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, bộ phận của xã, chỉ đạo ban giám

sát cộng đồng, ban tổ chức thi công, thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc các công trình đang xây dựng, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Công chức phụ trách công tác xây dựng NTM, các ngành, đoàn thể hàng năm đều được tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, đáp ứng yêu cầu công tác và đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Hàng tháng, hàng quý, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã báo cáo kết quả thực hiện, tồn tại, vướng mắc và các giải pháp thực hiện, tham mưu triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

- Thực hiện Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 05/6/2024 của UBND huyện Yên Mỹ về Kế hoạch thẩm tra xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu năm 2024. BCĐ xây dựng nông thôn mới xã Đông Than đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục về xã nông thôn mới nâng cao theo quy định.

3. xã Đông Than: được UBND tỉnh Hưng Yên công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Hưng Yên đợt 1, năm 2019. Kết quả rà soát tại thời điểm thẩm tra, xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

(Có phụ lục các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 kèm theo).

4. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch.

a) Yêu cầu tiêu chí:

1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1.UBND xã đã lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt theo quyết định 2443/QĐ-UBND ngày 27/8/2012. Trong quá trình thực hiện xã đã rà soát, điều chỉnh trên cơ sở kế thừa các quy hoạch trước đây cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và mang tính phát triển bền vững. Hiện nay xã đang tiến hành lập quy hoạch xã theo quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Đông Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035. UBND xã đã công khai và niêm yết quy hoạch rộng rãi tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa các thôn trong xã từ ngày 03/6/2024 - 21/6/2024 với đầy đủ các bản vẽ hiện trạng tổng hợp, bản vẽ định

hướng quy hoạch phát triển không gian của xã, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản vẽ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

1.2. UBND xã thực hiện các bước lập quy hoạch tuân thủ theo quy định của pháp luật.

1.3. Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên như: vị trí, quy mô và ranh giới quy hoạch; tính chất chức năng; quy hoạch sử dụng đất (diện tích đất ở chia lô, cây xanh, vỉa hè, đường giao thông); tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

Hàng năm xã UBND xã phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh, lập bổ sung quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định $\geq 90\%$.

2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%.

Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 90% trở lên.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt từ 95% trở lên.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt từ 80% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã có đường tỉnh lộ 381 với chiều dài khoảng hơn 3 km mặt đường rộng 6 m; Đường huyện lộ ĐH 45 với chiều dài khoảng 3 km, mặt đường rộng 5 m. Tất cả các tuyến đường trên đã được nhựa hóa 100%. Đường ĐH 20 với chiều dài khoảng 1,5 km mặt đường rộng 12 m đang thi công đến cuối năm 2024 đưa vào sử dụng.

- Đường trục xã có tổng chiều dài 6,6 km, chiều rộng 4 - 5 m, đã được bê tông hoá là 6.6 km, đạt 100%. (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Đường trục các thôn tổng số có 15.9 km, chiều rộng đạt từ 3 - 4 m, đã được bê tông hóa là 15.9 km, đạt 100%;

- Đường ngõ xóm sạch sẽ không bị lầy lội vào mùa mưa có tổng chiều dài là 14.7 km, chiều rộng 2-3 m, đã bê tông hoá là 14.7 km đạt 100%.

- Đường trục chính ra đồng tổng số là 28.6 km, chiều rộng đạt từ 3-5 m đã bê tông hóa được 6 km, đạt 20,9%; số km còn lại vào thời điểm trước mùa thu hoạch được tập thể và nhân dân sửa chữa đảm bảo cho xe đi lại thuận tiện.

c) *Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt*

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt từ 90% trở lên.

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả ≥ 1 .

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiến, tiết kiệm nước đạt 25% trở lên.

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm đạt 100 %.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Hàng năm Xí nghiệp KTCTTL huyện, UBND xã và nhân dân đã đầu tư, tu bổ, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo tốt việc tưới tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh. Đặc biệt khi thực hiện dồn thửa đổi ruộng năm 2014, hệ thống kênh mương của xã được củng cố, nạo vét đảm bảo sản xuất thuận lợi, không bị ngập úng vào mùa mưa hay hạn hán xảy ra.

Trên địa bàn xã các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, đều đảm bảo phục vụ tốt cho tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 502,81 ha, đạt 100%. Trong đó có kênh mương cấp III là: 49.2km, có 03 cầu, 21 cống và 9 trạm bơm, 2 km kênh mương được BTXM. Hệ thống kênh mương trên địa bàn xã năm 2017 đã bàn giao cho 02 xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Yên Mỹ và Châu Giang quản lý, hàng năm đều được nạo vét đảm bảo tưới tiêu tốt. Tình trạng các công trình thủy lợi được đánh giá cụ thể như sau:

- Toàn bộ 24 cầu, cống của xã hoạt động tốt, đảm bảo nhu cầu sản xuất cũng như dân sinh. Tuy nhiên cần cải tạo và nâng cấp thêm để đảm bảo lâu dài phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Trên địa bàn xã có 9 trạm bơm điện với công suất 5150m³/h phục vụ cho việc tưới và tiêu úng trên địa bàn xã. Trạm được duy tu bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phát huy hết công suất, cơ bản đáp ứng theo yêu cầu sản xuất và dân sinh được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

- Xã có tổng số 49.2 km kênh mương, năm 2017 UBND xã đã bàn giao toàn bộ kênh mương sau cống đầu kênh cho xí nghiệp KTCTTL Yên Mỹ và

Châu Giang quản lý để phát huy tối đa khả năng tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Trong đó có 2 km đã được cứng hoá đạt 4%; Số km kênh mương còn lại hàng năm đều được cải tạo, nạo vét và nâng cấp hàng năm đáp ứng yêu cầu đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; hoạt động sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn.

- Diện tích được tiêu chủ động là 860,64 ha. Trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp là 587,46 ha, đất phi nông nghiệp 271,73 ha, đất chưa sử dụng 1,45 ha.

3.2. Năm 2016 UBND xã đã bàn giao toàn bộ công trình thủy lợi cho Xí nghiệp KTCTTL huyện Yên Mỹ quản lý để phát huy tối đa khả năng tưới và tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Đội nông giang của thôn đã ký hợp đồng với XNKTCTTL huyện và thôn có trách nhiệm kiểm tra, rà soát và bảo vệ toàn bộ các hệ thống kênh mương, bờ vùng, bờ bao và các hệ thống cống nằm trên địa bàn xã đảm bảo thông thoáng dòng chảy khi tiêu thoát nước, đồng thời điều hành việc tiêu nước chống úng theo hướng dẫn và chỉ đạo của BCH phòng chống lụt bão.

3.3. UBND xã Đồng Than bên cạnh khuyến cáo nông dân duy trì ổn định diện tích các loại cây lương thực hàng năm, những năm qua ngành nông nghiệp địa phương đã vận động hộ gia đình, hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi sản xuất các loại cây trồng lâu năm, chủ lực, có giá trị kinh tế cao như cây bưởi, cam, hồng xiêm, ổi, mận và các cây cảnh... Để góp phần thực hiện nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2024, công trình thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 100% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới: trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước loại cây trồng cận chủ lực đạt 31,2% (161,2 ha/502,81ha)

3.4. Trên địa bàn xã có 9 trạm bơm điện với công suất 5150m³/h phục vụ cho việc tưới và tiêu úng trên địa bàn xã và các xã lân cận. Trạm được duy tu bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phát huy hết công suất, cơ bản đáp ứng theo yêu cầu sản xuất và dân sinh được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận. Năm 2024 Xí nghiệp Khai thác CTTL tỉnh đã xây mới Trạm bơm Văn Giang 2.

3.5. Hàng năm UBND xã Đồng Than phối hợp với XN KTCTTL huyện Yên Mỹ - Phòng NN&PTNN huyện Yên Mỹ thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ riêng lẻ, các doanh nghiệp, hoạt động nuôi trồng thủy sản, các cơ sở chăn nuôi, nguồn nước thải dân sinh...tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi. Chỉ đạo, tổ chức việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, trên địa bàn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6-8-2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Điều 44 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24-4-2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Bên cạnh đó UBND xã tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

3.6. UBND xã thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy, các Tiểu ban, Lực lượng xung kích, tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, cũng như xây dựng, tổ chức có hiệu quả các kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phù hợp với tình hình địa phương. Chỉ đạo các thôn tu bổ, khai thông một số công tiêu thoát nước trong khu dân cư và ngoài đồng, để kịp thời tiêu úng trong mùa mưa bão, đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh. Tổ chức nạo vét Đông Xuân hàng năm hoàn thành kế hoạch giao của huyện.

Ngày 29/3/2024 UBND xã Đông Than đã ban hành Quyết định số **164/QĐ-UBND** v/v Kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 (PCTT &TKCN).

Ngày 29/3/2024 UBND xã Đông Than đã ban hành Quyết định số **165/QĐ-UBND** v/v Thành lập đội, tổ xung kích phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 (PCTT &TKCN).

Ngày 02/4/2024 UBND xã Đông Than đã xây dựng kế hoạch số **172/KH - UBND** về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024.

Ngày 02/4/2024 UBND xã Đông Than đã xây dựng kế hoạch số **171/KH - UBND** về phòng chống lụt bão úng năm 2023.

Ngày 02/4/2024 BCH PCTT & TKCN xã Đông Than đã ra Thông báo số **02/KH - BCH** về phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban chỉ huy PCTT & TKCN năm 2024.

Ngày 02/4/2024 BCH PCTT & TKCN xã Đông Than đã ra quyết định số **01/QĐ - BCH** về ban hành quy chế về công tác trực ban, họp giao ban điều hành ứng phó thiên tai năm 2024.

Chỉ đạo các thôn tu bổ, khai thông một số công tiêu thoát nước trong khu dân cư và ngoài đồng, để kịp thời tiêu úng trong mùa mưa bão, đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh. Tổ chức nạo vét Đông Xuân hàng năm hoàn thành kế hoạch giao của huyện.

- Thực hiện Kế hoạch nạo vét Đông Xuân hàng năm, nhân dân trong xã đã nạo vét được khoảng 10.000 m³ mương máng tiêu thủy lợi nội đồng, đảm bảo khơi thông dòng chảy phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCD các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

4. Tiêu chí số 4 về Điện nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện trên toàn xã gồm có 15 trạm biến áp với công suất 4.230 KVA, 23 km đường dây hạ thế. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đáp ứng đầy đủ về phụ tải điện phù hợp, trạm biến áp, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ lưới điện, chất lượng điện áp tốt.

- Trên địa bàn xã 100% số hộ được sử dụng điện an toàn từ các nguồn, đúng theo quy định ngành điện. Ý thức trong việc sử dụng điện rất cao.

- Chi nhánh Điện lực huyện Yên Mỹ lắp đặt thêm 19 cột điện; 08 trạm biến áp; kéo thêm khoảng 2,1km đường dây. Lắp mới 325 công tơ.

c) *Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCD các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt*

5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (mức độ 3).

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2).

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “Khá”, có quyết định số 2622/QĐ - CTUBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Yên Mỹ V/v kiện toàn Ban giám đốc Trung Tâm học tập công đồng xã Đồng Than gồm 01 giám đốc, 02 phó giám đốc, 03 cán bộ hỗ trợ;

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, Tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2

- Trường THCS được Công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2974/QĐ-CTUBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên. UBND xã đã quy hoạch mở rộng diện tích sân trường đạt hơn 8.000 m². Trường được xây dựng trên khuôn viên diện tích 6.400 m² xây dựng công trình nhà 3 tầng, quy mô 8 phòng học và phòng chức năng tổng kinh phí thực hiện 13 tỷ đồng, Trường đặt ở vị trí trung tâm xã có kết nối giao thông thuận lợi cho CB, GV, NV và học sinh đi lại. Quy mô nhà trường là 19 lớp với 823 học sinh. Các phòng học và phòng chức năng và trang thiết bị phục vụ dạy còn thiếu. Trường có đầy đủ các khối công trình kiên cố phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cụ thể:

+ Khối phòng hành chính quản trị: Có phòng làm việc cho hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chức Đảng và các đoàn thể, bảo vệ với đầy đủ trang thiết bị;

+ Khối phòng học tập: Số lượng các phòng lớp học, phòng bộ môn, phòng đa chức năng còn thiếu theo quy định.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập gồm các phòng: Thư viện, thiết bị giáo dục, tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật, phòng truyền thống, phòng Đoàn, Đội còn thiếu theo quy định.

+ Khối phụ trợ: Phòng làm việc của các tổ chuyên môn, phòng nghỉ cho giáo viên, khu vệ sinh GV, học sinh khang trang chưa có theo quy định.

+ Khu sân chơi bãi tập thể dục thể thao chưa đáp ứng theo yêu cầu.

- Trường Tiểu học Đồng Than: UBND xã đã quy hoạch mở rộng diện tích trường đạt hơn 11.000 m²; đã phối hợp phòng Giáo dục & Đào tạo huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn Quốc gia từ giữa tháng 10/2024, nhưng do ảnh hưởng cơn bão số 3 bị lật mái nên xã đang tập trung sửa chữa hoàn thiện; Dự kiến đề nghị tỉnh về thẩm định tháng 12/2024; UBND xã có kế hoạch đầu tư xây mới Trường Tiểu học, hiện đã được chấp thuận vị trí xây dựng, hồ sơ thiết kế đã gửi Sở xây dựng trình thẩm định. Kinh phí đầu tư xây dựng là 63,5 tỷ đồng; nguồn kinh phí từ nguồn đấu giá đất của xã.

- Trường mầm non:

+ Trường Mầm non được Công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1506/QĐ-CTUBND ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên. UBND xã đã quy hoạch Khu trung tâm và đã được xây dựng tại khu ao cá Ươm thôn Trương Kênh Cầu diện tích: 1,9 ha. Quy mô 14 phòng học đã đưa vào sử dụng; Kinh phí trên 14 tỷ đồng được lấy từ nguồn đã thu đấu giá đất giãn dân của xã.

+ Trường có đầy đủ các khối công trình kiên cố phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Cụ thể:

+ Khối phòng hành chính quản trị: Có phòng làm việc cho hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chức Đảng và các đoàn thể, phòng bảo vệ với đầy đủ trang thiết bị.

+ Trường mầm non tổng số 28 lớp học với 642 học sinh ở tại địa bàn các thôn, các lớp có đầy đủ trang thiết bị phục vụ tiết dạy cô và trẻ, có điều hòa mát về mùa hè, ấm áp vào mùa đông, có bếp ăn 1 chiều 70m² phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại lớp.

+ Trường có sân chơi rộng rãi, có đồ chơi ngoài trời, có khu vườn cổ tích đang thi công.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Năm học 2021 - 2022 trên địa bàn xã đã hoàn thành chương trình giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt 100%. Chất lượng đội ngũ giáo viên được trẻ hóa, nhiệt tình, tâm huyết. Nhất là 100% cán bộ giáo viên nhà trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư, chất lượng dạy và học được nâng lên. Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học,

bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1” là một trong những nội dung quan trọng để bảo đảm quyền lợi của trẻ.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3

Trường tiểu học & Trung học cơ sở Đồng Than hoàn thành công tác phổ cập GD TH mức độ 3, GD THCS mức độ 3 theo Quyết định số 6413/QĐ – UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Yên Mỹ.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

Trường TH & THCS Đồng Than đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 6413/QĐ - UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Yên Mỹ, 100% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ theo quy định tại Điều 21 Nghị định 20/2014/NĐ-CP về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. Khá

Để triển khai điểu việc đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã theo Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT tại địa phương, Sở GDĐT đã có hướng dẫn hồ sơ và các biểu mẫu đánh giá xếp loại. Hội khuyến học cấp xã đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo thực hiện, đánh giá, xếp loại các danh hiệu học tập, gắn kết các tiêu chí của “Cộng đồng học tập” cấp xã với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Đồng thời chủ động phối hợp với các đoàn thể, các đơn vị trường học thực hiện việc tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại hằng năm.

+ *Từ tháng 1- tháng 3*: Phê duyệt kế hoạch xây dựng “Cộng đồng học tập” cấp xã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch tự đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập”, quán triệt các tiêu chí và phân công trách nhiệm giám sát, đánh giá các tiêu chí cho các đơn vị liên quan trong xã.

+ *Từ tháng 4 đến tháng 6*: Triển khai giám sát các tiêu chí đã được phân công; tổ chức cuộc họp giữa năm để các đơn vị được phân công báo cáo tiến độ, kết quả giám sát các tiêu chí và các khó khăn, kiến nghị cần thiết.

+ *Từ tháng 7 đến tháng 9*: Tiếp tục giám sát các tiêu chí đã được phân công và chuẩn bị thu thập các minh chứng để đánh giá tiêu chí.

+ *Từ tháng 10 đến tháng 12*: Thu thập các minh chứng; tự kiểm tra, xếp loại, trình UBND cấp huyện kiểm tra, đánh giá, xếp loại.

UBND xã Đồng Than đã triển khai thực hiện tốt việc tổ chức đánh giá, xếp loại, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ GDĐT; Tổ chức tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm trên cơ sở đó, nhân rộng điển hình các mô hình “Cộng đồng học tập” cấp xã và nhân rộng mô hình “Tiếng trống học bài” đến từng thôn, xóm bằng hình thức phát trên loa truyền thanh xã lúc 17h30 hàng ngày.

Kết quả đạt được: Cộng đồng học tập cấp xã của UBND xã Đồng Than đều được đánh giá, xếp loại từ mức độ Khá trở lên.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Đạt.

Ngành giáo dục xã nhà xác định: Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh; gắn giáo dục thể chất, thể thao trong trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh cho trẻ em, học sinh, đồng thời, góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước.

Do vậy, trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng ủy-HĐND-UBND xã Đồng Than và toàn xã hội, với những nỗ lực của các nhà trường, công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học đã đạt được một số kết quả quan trọng.

Các nhà trường đã triển khai có hiệu quả việc tăng cường truyền thông về giáo dục thể chất, thể thao trường học bằng nhiều thức như: Triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất, thể thao trường học; truyền thông về những hoạt động, những mô hình hoạt động hiệu quả của các đơn vị thông qua báo đài, truyền hình; tổ chức các sự kiện thể thao học sinh với mục đích tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập thể dục thể thao, vận động mọi người, bảo vệ, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Cụ thể hóa bằng hành động thông qua các hoạt động giáo dục thể chất và phong trào tập luyện, thi đấu thể thao trong và ngoài nhà trường, cuốn hút đông đảo nhiều lượt học sinh tham gia hàng năm.

Nhà trường đã phát động phong trào thi đua rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, đẩy mạnh phong trào tập luyện thể thao tới từng lớp học, thu hút, khích lệ mỗi học sinh, tự chọn một đến hai môn thể thao để rèn luyện trong và ngoài trường học nhằm nâng cao sức khỏe và thể lực cho bản thân. Những học sinh giỏi thể thao được tuyên dương và tuyển chọn tham gia các giải thể thao dành cho học sinh quy mô huyện, tỉnh.

Các học sinh giỏi thể thao, đạt thành tích cao được hưởng các quy định về chế độ ưu đãi như tuyển thẳng, cộng điểm và nhiều ưu đãi thiết thực.

Năm 2020 xây mới và đưa vào sử dụng nhà lớp học 3 tầng 8 phòng học Trường THCS Đồng Than.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCD các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

6. Tiêu chí số 6 về văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát

huy giá trị đúng quy định.

6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Tại các điểm công cộng, đã có một số các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời như tập vai; lắc eo; tập lưng, bụng thiết bị tập đạp xe, xà đơn và xà kép. Các dụng cụ tập luyện trên đều rất thông dụng, đơn giản và thích hợp dành cho mọi đối tượng như xà đơn, xà kép, tập tay, dụng cụ tập cơ chân, đùi, tập toàn thân... phục vụ cho nam giới; dụng cụ tập lưng bụng, đạp tròn, đi bộ... thích hợp với trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi. Trên các thiết bị này đều ghi rõ chức năng, công dụng và chỉ dẫn chi tiết cách thức tập luyện để người tập luyện tập đúng phương pháp, mang lại hiệu quả cao cho sức khỏe nhằm phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao cho người dân trong toàn xã. UBND xã có kế hoạch bổ sung thêm trong những năm tiếp theo.

Hàng năm, xã có tổ chức các Hội thi, Hội diễn, Giao lưu văn nghệ, các giải thi đấu thể thao chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, đã tổ chức được 03 giải: Bóng chuyền da, Bóng chuyền hơi, cờ tướng. Tham gia Liên hoan văn nghệ các làng văn hóa tiêu biểu huyện đạt giải Nhất, Liên hoan Giai điệu tuổi hồng và thiếu nhi kể chuyện đạt Giải Nhì.

- Các Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên như:

- + Câu lạc bộ dưỡng sinh xã Đồng Than;
- + CLB Gia đình văn hóa thôn Bắc Kênh Cầu;
- + CLB thơ Hương sen;
- + CLB bóng chuyền da thôn Trương Kênh Cầu, Tráng Vũ;
- + CLB bóng chuyền hơi thôn Ốc nhiều, Phạm Xá;
- + Câu lạc bộ dân vũ thôn Bắc Kênh Cầu, thôn Trương Kênh Cầu...

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định: Trên địa bàn xã có 06 di tích được cấp bằng. Trong đó di tích cấp quốc gia có: Đình, chùa Phạm Xá theo quyết định số 74/ QĐ-BVHTT ngày 02/02/1993 của Bộ Văn hoá thông tin, Đình Xuân Tràng theo quyết định số 372/QĐ-BVHTT ngày 12/03/1994 của Bộ văn hoá thông tin, Đình, Miếu Tráng Vũ thôn Tráng Vũ theo quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL, ngày 07/01/2020 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch; các di tích cấp tỉnh có Đình Đồng Than theo quyết định số 1649/ QĐ-UBND, ngày 14/8/2006 của UBND tỉnh Hưng Yên, Đình Ốc Nhiều theo quyết định số 2475/ QĐ-UBND, ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên, Đình thôn Bắc Kênh Cầu..... Hàng năm được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Xã đã có kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương. Tại thời điểm xét công nhận nông thôn mới nâng cao không

để xảy ra các hoạt động khiếu nại khiếu kiện về di tích, không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.

6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định $\geq 90\%$: Xã đã xây dựng nhà văn hóa gần UBND xã có trên 360 chỗ ngồi, trang thiết bị gồm: Bàn ghế, tượng Bác, bức, hệ thống quạt và bóng điện. Sân thể thao của xã đã được quy hoạch để xây dựng. Tổng diện tích đất quy hoạch cho nhà văn hóa và khu thể thao của xã khoảng 5.000m². Nhà văn hóa và khu thể thao của 7/7 thôn đạt tiêu chí cụ thể như sau:

+ Nhà văn hóa thôn Bắc Kênh Cầu: Diện tích khu nhà văn hóa là: 900m². Nhà văn hóa của thôn đã được đầu tư xây dựng khang trang đạt chuẩn. Diện tích sân thể thao của thôn là: 500 m² đảm bảo phục vụ, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao của nhân dân.

+ Nhà văn hóa thôn Trương Kênh Cầu: Diện tích khu nhà văn hóa được xây dựng là: 750m². Diện tích sân thể thao của thôn là: 500m², đã được đầu tư xây dựng khang trang sạch sẽ, đảm bảo cho mọi hoạt động văn hóa, thể thao.

+ Nhà văn hóa thôn Phạm Xá: Diện tích khu nhà văn hóa là 950 m². Diện tích sân thể thao của thôn đã được xây dựng là: 900m² đáp ứng được nhu cầu văn hóa thể thao của thôn.

+ Nhà văn hóa thôn Đồng Than: Diện tích khuôn viên khu nhà văn hóa là 250 m². UBND xã đã khởi công xây dựng tháng 01/2024, tiến độ hiện nay đang giai đoạn hoàn thiện, kế hoạch bàn giao đưa vào sử dụng quý IV/2024; Diện tích sân thể thao của thôn được xây dựng là: 450m² đảm bảo phục vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

+ Nhà văn hóa thôn Tráng Vũ: Tháng 9/2024 UBND xã đã tổ chức khởi công xây dựng; Phần đầu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng quý I/2025. Diện tích sân thể thao của thôn được xây dựng là: 620m² đảm bảo phục vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

+ Thôn Xuân Tràng: Tổ chức sinh hoạt cộng đồng tại đình làng trên diện tích khuôn viên là 500 m². Diện tích sân thể thao của thôn được xây dựng là: 500m² đảm bảo phục vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

+ Nhà văn hóa thôn Ốc nhiều: Đã khởi công xây dựng từ cuối tháng 8/2024; tiến độ đang xây phần thô, dự kiến đầu tháng 11/2024 đổ mái; Phần đầu bàn giao đưa vào sử dụng quý IV/2024. Diện tích sân thể thao được xây dựng là: 1500m² đảm bảo phục vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

+ Nhà văn hóa thôn Xuân Tràng: Đã được UBND tỉnh phê duyệt và chấp thuận vị trí xây dựng. Kế hoạch tháng 11/2024 UBND xã tổ chức khởi công xây dựng; Phần đầu hoàn thành xong quý IV/2024.

Hiện các sân thể thao của các thôn đang tiến hành nâng cấp, lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

Ngoài ra xã có 1 điểm vui chơi trẻ em 300 m², 1 bể bơi 300 m², 1 khu tập thể dục thể thao cầu lông, bóng chuyền, luyện tập đa năng có mái tre với diện tích 500m²

- Công tác xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa được triển khai thực hiện đồng bộ có hiệu quả, quy trình bình xét được thực hiện theo Nghị định 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Năm 2024 toàn xã có 3.280/3.101 gia đình văn hóa (đạt 94,5%) 7/7 thôn đạt danh hiệu văn hóa (đạt 100%).

*** Từ khi xã đạt chuẩn nông thôn mới đến nay:**

- Năm 2020: Xây mới và đưa vào sử dụng nhà văn hoá xã đạt chuẩn với 360 chỗ ngồi và đầy đủ trang thiết bị nội thất.

- Năm 2022: Xây mới và đưa vào sử dụng nhà văn hóa thôn Trương Kênh Cầu với diện tích 750m² đạt chuẩn với 270 chỗ ngồi và đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu của nhân dân.

c) *Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt*

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) ***Yêu cầu của tiêu chí:*** Xã được công nhận đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Phụ lục số 03 đính kèm và đồng thời có mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

- Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Phụ lục số 03 đính kèm và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN11856:2017.

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chợ Đồng Than được thực hiện theo quy hoạch, được doanh nghiệp đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 11/2013, tổng diện tích hơn 6000 m², cụ thể:

+ Về kết cấu nhà chợ chính: Nhà chợ chính đảm bảo kiên cố, bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 năm đến 10 năm theo quy định tại nghị định 02/2003/NĐ-CP.

+ Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình: Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ, số điện thoại liên hệ với đại diện tổ chức quản lý chợ; Nền chợ được bê tông hóa; Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng; Có bố trí địa điểm trông giữ xe (ngoài trời) phù hợp với lưu lượng người vào chợ, bảo đảm trật tự, an toàn cho khách;

+ Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm; Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ; Có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định bảo đảm cho hoạt động của chợ; Có khu thu gom rác và xử lý rác trong ngày hoặc có khu thu gom rác và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương; Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm thông

thoáng và dễ dàng thông tắc; Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

- Về điều hành quản lý chợ: Có Ban quản lý tổ chức quản lý và kinh doanh khai thác chợ; Có Nội quy chợ được UBND xã phê duyệt và được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ; Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) *Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCD các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt*

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt $\geq 80\%$.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). (đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông như dịch vụ di động, chuyển thư, báo, chuyển phát nhanh, ... điểm phục vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn xã có diện tích khoảng 200m² giáp UBND xã Đồng Than, có cơ sở hạ tầng viễn thông như các cột thu phát sóng điện thoại, hệ thống mạng cáp quang, ... đảm bảo đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Có treo biển tên điểm phục vụ, thời gian mở cửa 08 giờ/ngày làm việc.

8.2. Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 6.465 người/6.565 người, đạt 98,5%.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông hoạt động thường xuyên, phát huy hiệu quả, đảm bảo mọi thông tin về chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước đều được người dân quan tâm hưởng ứng thông qua hệ thống loa truyền thanh của 7/7 thôn luôn được bảo dưỡng thường xuyên. 100% số thôn trong xã thu xem được truyền hình vệ tinh, truyền hình qua mạng Internet.

8.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội:

- Xã có sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước;

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành

chính của xã đạt 72,4% (646/892 hồ sơ)

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100% (19/19 cán bộ công chức)

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 98,5%; (6.465 người/6.565 người)

8.5. Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng)

- Địa điểm có mạng Wifi: UBND xã, nhà văn hóa xã, Trạm y tế, Trường học, cơ sở tôn giáo.

- Mạng Wifi đáp ứng chất lượng dịch vụ, kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát, nhiều hộ gia đình xây dựng nhà cửa khang trang, sạch đẹp.

Toàn xã có 3.253 hộ với 3.186 ngôi nhà, trong đó: 2.783 ngôi nhà xây kiên cố cao tầng, một tầng (tỷ lệ 87,3%); 403 ngôi nhà cấp 4 (tỷ lệ 12,7%).

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng là 3.186/3.186 hộ (đạt 100%), Nhà ở dân cư đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khu cứng, mái cứng). Nền nhà, móng nhà được làm bằng các loại vật liệu như vữa xi măng - cát, bê tông cốt thép, gạch, đá. Hệ thống khung, cột, tường, móng đỡ được làm từ các loại vật liệu như bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc, tường xây gạch. Hệ thống đỡ mái và mái lợp được làm từ các loại vật liệu như bê tông cốt thép, sắt, thép; mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng.

Về diện tích: diện tích tối thiểu một căn nhà trên địa bàn xã đều đạt từ 50m² trở lên.

Từ năm 2019 đến tháng 12/2024 tỉnh, huyện đã hỗ trợ sửa chữa, xây mới được 17 ngôi nhà cho đối tượng người có công và hộ nghèo.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

10. Tiêu chí số 10 Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Năm 2024: Thu nhập bình quân đầu người ≥ 72 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Thực hiện Quyết định số 1099/QĐ – BKHĐT ngày 07/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố các chỉ tiêu về Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu thập thuộc Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Ủy ban nhân dân xã đã triển khai tới từng cơ sở thôn tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc thu thập chỉ tiêu thu nhập theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Qua khảo sát, đánh giá thu nhập thực tế từ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, sản xuất phi nông nghiệp, tiền công, tiền lương và các khoản thu nhập khác, năm 2024 thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 72,95 triệu đồng/người/năm.

(có công văn xác nhận mức thu nhập của Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên).

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 đạt <1%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã xây dựng kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 22/02/2024 về việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn xã.

Tổ chức thông tin, tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

- Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp tình hình tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các cơ sở thôn.

Thực hiện, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra, giám sát, tại các thôn đảm bảo đúng quy trình, quy định.

Sau khi hợp thống nhất kết quả, UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và nhà văn hoá 07 thôn.

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 thực hiện an sinh xã hội năm 2025 như sau:

Số hộ nghèo là 26/3253 tổng số hộ dân cư, trong đó số hộ nghèo không có khả năng lao động là 17 hộ.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng hoặc cao hơn 85%.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ bằng hoặc cao hơn 35%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo thống kê đến tháng 12 năm 2024 lực lượng lao động trên địa bàn xã là 6.565 lao động. Trong đó:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo áp dụng đạt cho cả nam và nữ là $6.356/6.565 = 96,8\%$. Trong đó: lao động nông nghiệp: 1.760 người, lao động là công nhân: 4.805 người.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ áp dụng đạt cho cả nam và nữ là $3.154/6.565 = 48\%$. Trong đó:

Lao động đã tốt nghiệp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học: 3.154 người (Trên địa bàn huyện, tỉnh có trường cao đẳng nghề công nghiệp, bên cạnh đó có một số Trường đại học, Cao đẳng như Trường Đại học SPKT Hưng Yên, Trường Cao đẳng nghề cơ điện thủy lợi, Đại học Tài chính, quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng công nghiệp, ... thu hút một lượng lớn học sinh, sinh viên học tập mỗi năm)

Lao động làm nông nghiệp: Trên địa bàn xã phát triển được 3 HTX (HTX cây ăn quả xã Đồng Than, HTX chăn nuôi thỏ tình, HTX nông nghiệp) và 1 tổ hợp tác (THT cây cảnh mộc hương Ốc Nhiêu), còn lại thì trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình.

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn là $5.765/6.565 = 87,8\%$.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCD các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Xã có ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Xã có tối thiểu 01 sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ≥ 1 .

13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã ≥ 1 sản phẩm.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử, đạt $\geq 15\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Xã có tối thiểu 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện về phát triển kinh tế tập thể, đến nay trên địa bàn xã phát triển được 03 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2023 bao gồm: HTX cây ăn quả xã Đồng Than, HTX chăn nuôi thỏ tình, HTX nông nghiệp tổng hợp Hùng Giang Hiếu thôn Phạm Xá.

- HTX cây ăn quả xã Đồng Than: Tổng số có 10 thành viên, vốn điều lệ 12.300 triệu đồng; doanh thu năm 2023 đạt 2.000 triệu đồng, thu nhập bình quân của thành viên HTX đạt 200 triệu đồng/năm; hoạt động chủ yếu các dịch vụ: Sản xuất, sơ chế, đóng gói và kinh doanh các loại quả như: cam, bưởi, ôi; sản xuất cây giống cây bưởi, nhãn...; Làm dịch vụ chăm sóc tư vấn về cây ăn quả, các loại quả có múi cho các hộ trong địa phương. HTX được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho lĩnh vực trồng trọt theo TCVN 11892-1:2017 VietGAP với quy mô 10,6 ha của 8 hộ thành viên HTX bao gồm: Bưởi diễm: 7,55 ha; Bưởi đường: 3,05 ha;

- HTX cây ăn quả xã nông nghiệp tổng hợp Hùng Giang Hiếu: Tổng số có 10 thành viên, vốn điều lệ 1000 triệu đồng; diện tích đất sản xuất đạt 6,7ha, doanh thu năm 2023 đạt 1.500 triệu đồng, thu nhập bình quân của thành viên HTX đạt 180 triệu đồng/năm; hoạt động chủ yếu các dịch vụ: Sản xuất, sơ chế, đóng gói và kinh doanh các loại quả như: cam, bưởi, ôi; sản xuất cây giống cây bưởi, nhãn...; Làm dịch vụ chăm sóc tư vấn về cây ăn quả, các loại quả có múi cho các hộ trong địa phương.

- HTX chăn nuôi Thỏ Tình. Tổng số có 10 thành viên, vốn điều lệ 1.800 triệu đồng, doanh thu năm năm 2024 ước đạt 1.500 triệu đồng, thu nhập bình quân lao động HTX đạt 170 triệu đồng/người/năm; hoạt động chủ yếu là ký hợp đồng liên kết với các trang trại chăn nuôi trên địa bàn các huyện cung cấp giống gà chăn nuôi bằng phương pháp khép kín, sản xuất trồng trọt các loại cây ăn quả. Tất cả thành viên hợp tác xã là người địa phương. Thành viên hợp tác xã đã có kinh nghiệm trồng trọt và chăn nuôi, am hiểu tốt về thổ nhưỡng, khí hậu,... của địa phương. Hợp tác xã có quy chế hoạt động, các thành viên tuân thủ tốt quy chế, đặc biệt là áp dụng quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm đồng bộ, chất lượng.

Hiện nay, các HTX đang tập trung đổi mới tổ chức bộ máy và đẩy mạnh việc hoạt động dịch vụ sản xuất nông nghiệp, HTX đã thực hiện tốt công tác liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, bước đầu là cầu nối, chỗ dựa vững chắc cho các xã viên HTX, THT và là mô hình HTX tiêu biểu để nhân rộng trong thời gian tới.

- Các HTX, THT hoạt động hiệu quả, hàng năm, đều được đánh giá, xếp loại đạt khá trở lên.

13.2. Thực hiện chương trình OCOP, UBND xã Đồng Than đã hướng dẫn chủ thể là THT cây cảnh mộc hương Ốc Nhiêu đã hoàn thiện hồ sơ sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng 1 sản phẩm OCOP năm 2024.

Sản phẩm chủ lực của xã được xác định đáp ứng các điều kiện:

+ Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Có bao bì, nhãn mác theo quy định.

+ Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả

Tổng điểm đánh giá đạt 52/100 điểm; hồ sơ sản phẩm đã hoàn thiện, đang chờ Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP huyện đánh giá, xếp hạng công nhận đạt 3 sao.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: HTX cây ăn quả xã Đồng Than được thành lập năm 2020 với 10 thành viên liên kết với nhau cùng sản xuất trên diện tích 10,6 ha được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho lĩnh vực trồng trọt theo TCVN 11892-1:2017 VietGAP của các thành viên HTX bao gồm: Bưởi diển: 7,55 ha; Bưởi đường: 3,05 ha; Hiện nay hợp tác xã đảm nhận đầu vào như: giống, kỹ thuật, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu... cho các thành viên trong HTX và đảm nhận phân thu mua, liên kết tiêu thụ nông sản với các công ty, siêu thị và tham gia các hội chợ tại nhiều tỉnh thành trong cả nước. Các thành viên HTX đã tích cực ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất như làm đất 100% bằng máy, cắt cỏ 100% bằng máy, lắp đặt hệ thống tưới nước tự động, phun mưa; phun thuốc trừ sâu bằng máy...

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực: Sản phẩm nông sản chủ lực của xã được lưu thông trên thị trường là Cây cảnh mộc hương Ốc Nhiêu tiến tới ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Trên địa bàn xã không có sản phẩm chủ lực.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Xã có trên 18 ha vùng trồng cây ăn quả, cây rau màu, trong đó 10,6 ha được cấp mã vùng, đây được coi là vùng nguyên liệu sản xuất tập trung của xã. Vùng cây chủ lực là Bưởi các loại, Nhãn, cam Vinh, Bưởi Diển và các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao khác... hằng năm được thương lái về thu mua tại ruộng, đây được coi là mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị kéo dài tuổi thọ của nông sản, tăng giá trị cho sản phẩm, tạo việc làm cho nhiều lao động tại địa phương góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao chất lượng sống và giữ gìn và đưa sản phẩm đặc sản của quê hương vươn xa ra các tỉnh thành phố trên đất nước Việt Nam; sản

phẩm đáp ứng các quy định về môi trường, không gây ô nhiễm môi trường sản phẩm có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch di tích lịch sử Đình, Chùa Phạm Xá, Đình Xuân Tràng trên một số fanpage, mạng xã hội và đang từng bước xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện và một số website.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Giai đoạn 2021-2025 UBND xã định hướng cho ngành nông nghiệp chuyển từ “tư duy sản xuất” sang “tư duy kinh tế”, hướng tới những “giá trị xanh” được tạo nên từ “chuyển đổi xanh, tiêu dùng xanh, kinh tế xanh” theo hướng tích hợp “đa giá trị”.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 95\%$.

14.2. Xã triển khai Quản lý sức khỏe điện tử: Đạt

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Đạt

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 95\%$: Tính đến thời điểm tháng 10/2024, số người tham gia bảo hiểm y tế là 12.852/13.388 người (đạt 96%). Trong đó thẻ BHYT bắt buộc 6.079 thẻ, học sinh 2.206 thẻ, trẻ em dưới 6 tuổi 1.322 thẻ, người có công 778 thẻ, người cao tuổi và người tàn tật 456 thẻ, người nghèo, cận nghèo và hộ trung bình 976 thẻ, tự nguyện cao tuổi 60-80 tuổi là 726 thẻ, Mất sức và đại biểu hội đồng nhân dân là 42 thẻ.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2024 tăng thêm 8,9% so với năm 2019 (85%).

14.2. Xã triển khai Quản lý sức khỏe điện tử: Căn cứ Quyết định số 327/QĐ - UBND, ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Hưng Yên, Trạm y tế xã Đồng Than được chủ tịch UBND tỉnh cấp bằng công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Năm 2022 UBND xã đầu tư xây trạm y tế mới gồm 2 tầng diện tích xây dựng 2 tầng khoảng 500 m², tổng 14 phòng (chưa bao gồm nhà vệ sinh), công trình phụ trợ 1 nán xe 1 kho. Trạm y tế luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh, tiêm chủng mở rộng phòng bệnh cho trẻ em và người lớn. Trạm y tế luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong công tác CSSKBD cho nhân dân, thực hiện tốt các tiêu chí cơ bản trong bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Trạm y tế có 07 cán bộ Y tế bao gồm: 04 cán bộ có trình độ đại học, 03 cán bộ có trình độ cao đẳng.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi theo chiều cao là 102/1.023 trẻ chiếm 10%, theo cân nặng là 82/1.023 trẻ chiếm 8%.

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ 6.562/ 13.146 người đạt 49,9%.

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử 12.346/13.146 người đạt 93,9%.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1. UBND xã Đồng Than được tập huấn, cập nhật ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo 100% các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên hệ thống đúng các quy định hiện hành, đảm bảo việc lưu trữ số hóa các hồ sơ thủ tục trên hệ thống.

15.2. UBND xã có dịch vụ công trực tuyến cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại bộ phận 1 cửa UBND xã Đồng Than.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời gian theo quy định và không có đơn thư khiếu nại vượt cấp về giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND xã và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được UBND xã

tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030.

- Từ năm 2019-2023, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hơn đạt 100% đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 100% đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công được xếp loại tốt trở lên theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

16. Tiêu chí số 16: Tiếp cận Pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải cơ sở.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải cơ sở được hòa giải thành $\geq 90\%$.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện

16.1. Xã Đồng Than đã xây dựng được 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật là Nhóm nòng cốt tuyên truyền pháp luật. Đây là mô hình

điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật được UBND huyện khuyến khích nhân rộng. Trong thời gian qua, Nhóm nòng cốt tuyên truyền pháp luật đã tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, hội viên phụ nữ và nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị liên quan đến các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Năm 2023, Nhóm nòng cốt tuyên truyền pháp luật xã vinh dự được đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về các thành tích đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (theo Quyết định số 10102/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND huyện Yên Mỹ). Trong những năm qua, xã đã huy động được nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với số tiền khoảng 6,5 triệu đồng.

16.2. Xã Đồng Than có 7 tổ hòa giải với ... hòa giải viên hoạt động tích cực, hiệu quả. 7/7 tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở. Trong quá trình hoạt động, các tổ hòa giải của xã thường xuyên phối hợp với Tòa án nhân dân huyện và các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được các tổ hòa giải trên địa bàn xã hòa giải thành công năm 2023 là: ../... vụ, việc (đạt tỷ lệ 100%). Tính đến tháng 10 năm 2024, số vụ việc hòa giải thành đạt ../.. vụ, việc (đạt tỷ lệ 100%). Năm 2023, Tổ hòa giải thôn Trương Kênh Cầu, xã Đồng Than vinh dự được đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về các thành tích đạt được trong công tác hòa giải ở cơ sở (theo Quyết định số 10103/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND huyện Yên Mỹ).

16.3. Về tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý: Theo thông tin do Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên cung cấp thì năm 2023, xã Đồng Than có 3 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý (đạt 100%); 10 tháng đầu năm 2024, xã Đồng Than có 02 trường hợp thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý (đạt 100%);

Năm 2023, Xã Đồng Than được Chủ tịch UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 về công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (tiêu chí 2 Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật đạt điểm số tối đa). Tính đến tháng 10/2024, đối chiếu các tiêu chí, chỉ tiêu chấm điểm cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số Thông tư 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì xã Đồng Than tự đánh giá cơ bản đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các

Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 98\%$.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

17.9. Đạt chỉ tiêu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt $\geq 10\%$.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Các hộ SXKD, kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn xã, tổng số 142 hộ, không có hộ nào vi phạm về bảo vệ môi trường. Các hộ SXKD trên địa bàn xã chủ yếu là sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng, chăn nuôi, làm đậu, cơ khí, may mặc... UBND xã triển khai tổ chức cho 142/142 = 100% hộ kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn được ký cam kết về bảo vệ môi trường, nguồn nước thải từ các hộ SXKD được tiêu thoát và có hệ thống thu gom đầy đủ, các hộ chăn nuôi đều xây dựng hầm Biogas.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Trên địa bàn xã có 142 SXKD, kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn xã. Trong đó, 142/142 SXKD, kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn xã Các doanh nghiệp đều có công trình biện pháp thu gom xử lý nước thải, bụi, khí thải đồng thời ký hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức

năng theo quy định, sản xuất kinh doanh, ngành nghề chủ yếu là kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng, hộ chăn nuôi, làm đậu, cơ khí, may mặc... Các hộ không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt, xác nhận. Trong quá trình hoạt động, các hộ thực hiện quản lý và xử lý chất thải phát sinh theo quy định như: xây dựng hầm Biogas xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý nước thải, tận dụng nguồn chất thải có nguồn gốc hữu cơ để làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và làm phân bón.... Trong thời gian qua, 100% các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã được thu gom, xử lý theo quy định đạt $\geq 98\%$.

Theo số liệu thống kê chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn xã năm 2024 khoảng 1.080 tấn (tương đương 3 tấn/ngày). 100% các thôn trên địa bàn xã đều có người thu gom rác thải. Các tổ vệ sinh môi trường hoạt động tích cực, có hiệu quả, tần suất thu gom rác thải 3 lần/tuần, trong đó lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý ước khoảng 1.080 tấn (tương đương 3 tấn/ ngày), đạt 100%. Hiện nay toàn bộ chất thải, rác thải trong dân cư đều được thu gom và chuyển về xử lý tại các bãi rác của các thôn. Hàng năm, UBND xã phối hợp với Hạt giao thông và Môi trường huyện tiến hành đảo trộn rác thải và phun chế phẩm sinh học để tăng khả năng phân hủy rác thải, diệt ruồi, muỗi và các vi sinh vật gây bệnh.

UBND xã thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tầng lớp nhân dân trên loa truyền thanh và thông qua các đoàn thể quần chúng ở xã và các cơ sở thôn; tuyên truyền, thông báo trên truyền thanh nhằm nhắc nhở nhân dân không được đổ, đốt, rác thải; tận dụng phụ phẩm nông làm phân bón, chất đốt, làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$: hộ gia đình trên địa bàn đều có bể tự hoại ba ngăn để xử lý nước thải nhà vệ sinh trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, các hộ gia đình còn thường xuyên bổ sung các chế phẩm sinh học để tăng khả năng phân hủy chất thải, cải thiện chất lượng nước thải ra môi trường. Hầu hết các hộ gia đình đều xây dựng hố ga để lắng lọc nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm giặt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu dân cư. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã, việc triển khai xây dựng hệ thống tiêu thoát nước tập trung trong các khu dân cư, đường trục chính và hệ thống tiêu úng của toàn xã đã thực hiện tốt, đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu dân cư, không còn hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả là 1.756/3.253 hộ đạt tỷ lệ 54%.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$:

Thực hiện kế hoạch của UBND huyện Yên Mỹ về việc triển khai thực hiện mô hình phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, UBND xã Đồng Than triển khai thí điểm tại 260 hộ gia đình tại thôn Phạm Xá và thôn Trương Kênh Cầu. UBND xã chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền tới người dân thực hiện việc

phân loại rác thải tại nguồn để tạo nguồn phân bón hữu cơ, vừa giúp giảm thiểu lượng rác thải phải đưa đi xử lý, góp phần bảo vệ môi trường. Đến nay, mô hình đã nhân rộng trên toàn xã. Ngoài việc xử lý rác thải hữu cơ bằng thùng, các hộ gia đình còn đào hố để xử lý rác thải. Bên cạnh đó, các rác thải hữu cơ còn được tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm trên địa bàn xã và các vùng lân cận.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 1.854/3.253 hộ, đạt 57%. Cuối năm 2023 xã Đòng Than đã xây dựng hố rác tập trung tại thôn Ốc Nhiêu xong và đến năm 2024 đưa vào sử dụng. Năm 2024 các hộ gia đình không có vườn sẽ thực hiện phân loại rác tại nhà, tổ vệ sinh môi trường sẽ thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải đi xử lý tại hố ủ tập trung tại thôn Ốc Nhiêu.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%:

Chất thải rắn nguy hại chủ yếu từ hoạt động sản xuất của các công ty hoạt động trên địa bàn xã. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đều được các đơn vị quản lý và thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển, và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$:

Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã phát sinh chủ yếu từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt, một phần phát sinh từ sinh hoạt của người dân.

Chất thải hữu cơ, phế, phụ phẩm nông nghiệp nếu không được quản lý tốt sẽ trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường; ngược lại, nếu được quản lý tốt sẽ mang lại lợi ích về kinh tế, góp phần bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua, chất thải hữu cơ, phế, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được nhân dân tận dụng làm đệm lót sinh học. Đệm lót và phân gia súc, gia cầm sau nhiều lứa chăn nuôi lại được tái sử dụng làm phân bón hữu cơ cho vườn cây ăn quả hoặc bán lại cho nhà vườn và có thêm thu nhập. Rác thải sinh hoạt hữu cơ được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc được xử lý ngay tại nhà để làm phân bón. Các hộ nông dân sau khi thu hoạch chuối đã xử lý phụ phẩm từ cây chuối thành mùn hữu cơ để bón cho cây trồng. Lượng phụ phẩm này được chế biến phối hợp với chất thải từ chăn nuôi gà, lợn; các chất phụ gia cần thiết để tạo ra mùn hữu cơ chuyên dùng cho cây trồng.

Tính đến nay, tỷ lệ chất thải hữu cơ, phế phẩm nông nghiệp được xử lý, chế biến và được thu gom, xử lý trên địa bàn xã đạt 86%. Có thể thấy, việc thu gom, xử lý, chế biến và sử dụng hiệu quả phế, phụ phẩm nông nghiệp có ý nghĩa to lớn đối với bảo vệ môi trường, duy trì sự đa dạng sinh học, thúc đẩy nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, ... đem lại lợi ích kinh tế cho nông dân trên địa bàn xã.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$. Trên địa bàn xã có 15/16 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 93,7%.

17.9. Đạt chỉ tiêu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt $\geq 10\%$. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng tính từ ngày 01/10/2024 đến nay là đạt 85%. (có số liệu cụ thể)

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$

UBND xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền nhân dân phân loại và xử lý rác thải hữu cơ quy mô hộ gia đình. UBND xã tuyên truyền vận động nhân dân tổ chức định kỳ hàng tuần tổng vệ sinh môi trường, phát động tết trồng cây tạo cảnh quan vào dịp đầu năm mới, lắp đặt thùng đựng rác thải tại các khu vực công cộng. Bên cạnh đó các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường được tổ chức ở các khối trường học, các ban ngành định kỳ ít nhất 01 lần/năm. Các khu vực công cộng trên địa bàn xã như chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi giải trí không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng nơi quy định gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không có tình trạng vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng. UBND xã đã ban hành và niêm yết công khai các quy định về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng để nhân dân thực hiện. Đường làng ngõ xóm, cảnh quan của xã đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

Đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Trường học và nhà văn hóa các thôn thường xuyên được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, được trồng cây xanh, trồng hoa tạo cảnh quan. Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Trường học, nhà văn hóa các thôn đều có nước sinh hoạt và nhà vệ sinh an toàn. Định kỳ hàng tháng, Đoàn thanh niên, Chi Hội Phụ nữ xã Đồng Than tổ chức ra quân Ngày chủ nhật xanh. Trong đợt ra quân này, Đoàn thanh niên xã Đồng Than đã huy động trên 80 đoàn viên tại các chi đoàn thôn. Các đoàn viên đã tiến hành dọn vệ sinh, trực vớt rác thải nhựa, rau bèo tại các tuyến kênh, mương, đồng thời tiến hành nhặt rác 2 bên tuyến đường ĐT381, ĐH 45, ĐH 20 góp phần tạo cảnh quan sạch đẹp trên tuyến đường.

Hàng năm, UBND xã phát động phong trào trồng hoa, cây xanh tại trụ sở cơ quan, doanh nghiệp, dọc các tuyến đường và khu vực công cộng tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

Đến nay, tổng diện tích cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã là $6,2 \text{ ha}/13.388 \text{ người} = 4,6 \text{ m}^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$..:

- UBND xã Đồng Than thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân giảm thiểu sử dụng túi ni lông, hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần, các bao bì nhựa khó phân hủy sinh học, đồng thời thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. UBND xã thực hiện ký cam kết không sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần trong các hội nghị, cuộc họp. Đối với các chất thải nhựa có khả năng tái chế trên địa bàn được chuyển cho các đơn vị thu gom đưa đi tái chế theo quy định. Ngoài ra, UBND xã Đồng Than cũng phát động các tổ chức đoàn thể, các địa phương tổ chức các phong trào, chiến dịch truyền thông về chất thải

nhựa, kết hợp các hoạt động thu gom chất thải nhựa có thể tái chế, ra quân làm sạch các điểm tồn đọng rác ở nơi công cộng, khu đất trống, sông, kênh, rạch... UBND xã cũng tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường, vứt bỏ chất thải, chất thải nhựa bừa bãi ở nơi công cộng theo quy định. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 91%.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 65\%$.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: Toàn xã có 100 % số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định. Tỷ lệ dùng nước sạch trên toàn xã có 2.912/3.253 hộ đạt 89 %,

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Hiện nay, xã Đồng Than đang sử dụng nước tập trung từ nhà máy nước sạch Yên Mỹ, cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người là: 1.204.920 lít/13.388 nhân khẩu= 90 (lít)/người/ngày đêm, chất lượng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn của bộ y tế.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100%. Hiện nay, trên địa bàn xã Đồng Than đang sử dụng nước tập trung từ nhà máy nước sạch Yên Mỹ mô hình này đang hoạt động có hiệu quả và bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, giảm dần khoảng cách giữa nông thôn với đô thị.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm, đạt 100% được tập huấn về an toàn thực phẩm

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã các hộ kinh doanh đều có cam kết về VS ATTP, đạt 100%.

Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch, kiện toàn Ban chỉ đạo và thành lập đoàn kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đoàn kiểm tra đã tổ chức ký cam kết đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán, tiến hành lập biên bản kiểm tra việc thực hiện cam kết trong tháng VSATTP và dịp Tết Trung thu nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm tới tất cả người dân đạt tỷ lệ 100%, đồng thời tuyên truyền các hộ sản xuất, kinh doanh và nhân dân không sử dụng các thuốc cấm trong trồng trọt, chăn nuôi, các chất phụ gia cấm có hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Trên địa bàn xã nhiều năm qua không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra. Tháng 02/2024 Đội liên ngành ra quân kiểm tra công tác VSATTP với tất cả các cơ sở buôn bán kinh doanh ,...

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Trên địa bàn xã Đồng Than cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được công nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm, được UBND huyện Yên Mỹ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch: Toàn xã có 3.253/3.253 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100% :

+ Nhà tiêu được xây dựng khép kín, chất thải được xử lý qua bể tự hoại, không xả thải trực tiếp ra hệ thống kênh mương, đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Nhà tắm có tường bao và mái che; có hệ thống thu gom thoát nước bằng các ống nhựa, rãnh không để chảy tràn ra môi trường.

+ Bể chứa hoặc dụng cụ trữ nước sinh hoạt của các hộ gia đình có dung tích đáp ứng nhu cầu sử dụng của các thành viên trong gia đình; được xây dựng bằng gạch, bê tông hoặc làm bằng inox, nhựa, có nắp đậy kín, để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập, đảm bảo không chứa thành phần độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng.

+ Các hộ gia đình trong xã thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội liên hiệp phụ nữ huyện, xã phát động.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%

- Hiện nay 100% chất thải, rác thải trong dân cư đều được xử lý tại nguồn hoặc thu gom và chuyển về bãi rác của thôn, xử lý.

- 7/7 thôn có tổ thu gom, vận chuyển rác thải với tổng số 14 lao động, định kỳ hàng ngày tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải đến điểm tập kết của xã tại thôn Ốc Nhiêu; các tổ đều có xe chở rác; quần áo, đồ bảo hộ hàng năm do UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cấp phát.

- Hàng năm UBND xã đều phối hợp với Hạt giao thông và MT huyện thực hiện san gạt, đảo trộn, phun chế phẩm tại các bãi chôn lấp rác thải của các thôn; bên cạnh đó, hàng năm UBND xã trích kinh phí ngân sách tiến hành phun chế phẩm để khử mùi và diệt ruồi, muỗi, côn trùng đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Đạt chỉ tiêu nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Đạt chỉ tiêu không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Đạt chỉ tiêu nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã đã lãnh đạo, chỉ đạo các Ban, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng về công tác Quốc phòng như: Luật quốc phòng, Nghị quyết số 28, Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về khu vực phòng thủ (KVPT), Nghị định 168/2018/NĐ-CP về công tác quốc phòng ở các Bộ, ngành, trung ương và địa phương...

Hàng năm, Đảng ủy, UBND, Hội đồng GDQPAN và Hội đồng NVQS xã đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương hàng năm, Nghị quyết chuyên đề về việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng, Quân sự địa phương; Kế hoạch tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ; Kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; Quyết định kiện toàn Hội đồng NVQS xã; Kế hoạch xây dựng, huấn luyện. Cùng với đó là chú trọng thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường QPAN; không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác QP-QSDP của xã. Chăm lo xây dựng LLVT địa phương vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

- Thực hiện pháp lệnh về DQTV, căn cứ vào Hướng dẫn của cấp trên về công tác xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng DQTV; UBND xã chỉ đạo kiện toàn, tổ chức, biên chế, xây dựng lực lượng DQTV theo hướng "*Vững mạnh, rộng khắp*", coi trọng chất lượng chính trị, có số lượng phù hợp, tập trung xây dựng lực lượng Dân quân cơ động, tổng số lượng DQTV theo đúng quy định của trên, đạt tỷ lệ 1,3% so với dân số; đủ quy mô, thành phần, tổ chức biên chế ở cả 2 cấp (xã, thôn). Ban CHQS xã tham mưu giúp UBND xã xây dựng lực lượng Dân

quân hàng năm đúng đủ theo quy định: Quân số xây dựng 113 đ/c (04 đ/c ban chỉ huy QS; dân quân Cơ động: 28 đ/c; dân quân tại chỗ: 63 đ/c; dân quân bình chủng: 18 đ/c) kịp thời kiện toàn các chức danh cán bộ Ban CHQS xã, chỉ huy các đơn vị DQTV (Ban CHQS xã gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó và cán bộ, chỉ huy các đơn vị dân quân: Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng DQCD, thôn đội trưởng.....) đảm bảo đủ biên chế theo quy định, hoạt động có nề nếp, nội bộ đoàn kết, thống nhất cao. Việc thực hiện công tác bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV cũng luôn được quan tâm, hàng quý tham gia sinh hoạt, chi trả phụ cấp đầy đủ, đúng quy định.

- Ban CHQS xã làm tốt việc chuẩn bị cho huấn luyện dân quân (thao trường; vật chất huấn luyện, giáo án; huy động con người....) nhận và cấp phát quân trang cho cán bộ, chiến sỹ khi tham gia huấn luyện đầy đủ. Quân số huấn luyện hàng năm 90 đ/c, lực lượng dân quân cơ động và dân quân tại chỗ năm thứ 2 đến năm thứ 4 được huấn luyện tại xã, lực lượng dân quân mới kết nạp được huấn luyện tại Ban CHQS huyện. Kết quả huấn luyện đạt Khá, quân số tham gia huấn luyện cao và bảo đảm an toàn khi huấn luyện. Sau huấn luyện, phối hợp với cơ quan chuyên môn Ban CHQS huyện tổ chức chi trả chế độ trợ cấp ngày công đúng người, đúng đối tượng theo quy định của Luật. Công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV được đăng ký và quản lý chặt chẽ; sẵn sàng huy động và mở rộng lực lượng khi cần thiết.

- Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh xã đã xây dựng Kế hoạch, lập danh sách các đối tượng cáo Hội đồng GDQPAN huyện để bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ đối tượng 3. Cấp xã xây dựng kế hoạch, rà soát đối tượng 4 cần bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP-AN. Quân số đối tượng 4 hàng năm xã tổ chức bồi dưỡng là 40 đ/c.

- Tổ chức đăng ký quản lý nguồn dự bị động viên được tổ chức đăng ký vào tháng 4 hàng năm (Dự bị hạng 1: 421QN; hạng 2: 516 đ/c ; Phương tiện động viên: 35 xe ô tô tải...); đề nghị Ban CHQS huyện sắp xếp bổ nhiệm các quân nhân xuất ngũ vào các đơn vị DBĐV, bảo đảm tỷ lệ, thành phần. Phối hợp với các đơn vị tổ chức phúc tra, rà soát hàng năm theo quy định, lập danh sách QNDB, phương tiện kỹ thuật tham gia tập huấn, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, tổ chức bàn giao quân số và phương tiện kỹ thuật bàn giao cho các đơn vị, bảo đảm chỉ tiêu trên giao và an toàn tuyệt đối.

- Tuyển quân hàng năm tổ chức đầy đủ các khâu, các bước đúng luật, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao, không phải loại trả, không có đào, bỏ ngũ và các biểu hiện tiêu cực phải xử lý, cụ thể gần nhất là :

Năm 2019 bàn giao 21/21 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu.
Năm 2020 bàn giao 22/22 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu.
Năm 2021 bàn giao 22/22 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu
Năm 2022 bàn giao 23/23 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu
Năm 2023 bàn giao 23/23 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu
Năm 2024 bàn giao 24/24 tân binh nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đúng nguyên tắc, thủ tục, chế độ, không có đơn thư khiếu kiện, phát huy dân chủ trong xét duyệt. Hội đồng chính sách xã đã triển khai thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và hướng dẫn thủ tục làm hồ sơ cho các đối tượng theo các Quyết định: Quyết định 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011; Quyết định 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

* Kết quả thực hiện chính sách:

Số đối tượng được nhận trợ cấp 1 lần theo QĐ 142 = 127 đối tượng.

Số đối tượng được nhận trợ cấp 1 lần theo QĐ 62 = 211 đối tượng.

Số đối tượng được nhận trợ cấp 1 lần theo QĐ 49 = 13 đối tượng.

- Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng: Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về *"Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"*; Nghị định 21/2019/NĐ-CP của Chính phủ về *"Khu vực phòng thủ"*; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về *"Phòng thủ dân sự"*. UBND xã đã chỉ đạo tập trung củng cố xây dựng thể trận QPTD gắn với thể trận ANND, chăm lo xây dựng tiềm lực QPAN vững mạnh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quân sự. Gắn quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở KT-XH với xây dựng thể trận khu vực phòng thủ xã, tạo ra thể trận liên hoàn vững chắc; kết hợp giữa phát triển KT-XH gắn với quy hoạch các công trình Quốc phòng trên địa bàn xã năm 2022, định hướng những năm tiếp theo.

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ kết hợp phát triển KT - XH gắn với củng cố, tăng cường QPAN, chăm lo xây dựng hệ thống chính trị từ xã đến cơ sở VMTD, trú trọng xây dựng các Ban, ngành, đoàn thể vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thường xuyên củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ QPAN cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân địa phương trong xã. Triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh số 34/PL-UBTVQH về *"thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở"* tại địa phương.

- Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng đối với lực lượng Dân quân và lực lượng dự bị động viên nhằm biểu dương khen thưởng các tập thể cá nhân có thành tích trong nhiệm vụ quốc phòng quân sự ở cơ sở.

+ Chi bộ Quân sự: Năm 2020 Hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2021 Hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2022 Hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2023 Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

19.2. Đạt chỉ tiêu không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ Hàng năm Đảng ủy, UBND xã đã ban hành Nghị quyết và xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT; tổ chức đợt cao điểm kiểm tra, hướng dẫn

các cơ sở ký cam kết thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy theo phân cấp quản lý; xây dựng triển khai kế hoạch đảm bảo TTATGT; Kế hoạch vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ; Kế hoạch phối hợp tuần tra vũ trang, mật phục ban đêm đảm bảo ANTT trên địa bàn xã Đồng Than; Kế hoạch tuần tra, kiểm tra ban đêm đảm bảo TTATGT, trật tự công cộng đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã; Hướng dẫn các trường mầm non, TH & THCS, các thôn đăng ký phân đấu danh hiệu "Đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT" theo Thông tư số 23/2012 của Bộ công an; Phối hợp với BCH quân sự xã thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân đủ điều kiện thực hiện NVQS và tham gia thực hiện nghĩa vụ CAND.

+ Không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; Tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; Hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; Hoạt động ly khai, đòi tự trị; khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự".

+ Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực của pháp luật gây mất an ninh trật tự, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc tập trung đông người, khiếu nại tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước.

+ Số vụ phạm tội về trật tự xã hội năm 2024 trên địa bàn xã xảy ra 19 vụ phạm tội về trật tự xã hội bằng 19 đối tượng).

+ Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, xã trọng điểm phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

+ Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng hoặc gây tại nạn giao thông từ nghiêm trọng (theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); không để xảy ra cháy gây thiệt hại nghiêm trọng.

+ Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (tổ liên gia phòng cháy, chữa cháy thôn Bắc Kênh Cầu) và có mô hình lắp camera an ninh toàn xã phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ Tập thể Công an xã đạt danh hiệu "Đơn vị tiên tiến", không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật. Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

- Từ năm 2020 đến nay, xã tiếp nhận 06 công an chính quy về làm việc tại xã (hiện gồm 01 trưởng công an xã 02 phó, 03 công an xã). Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) *Đối chiếu với Hướng dẫn số 15/HD-BCĐ ngày 04/11/2022 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh: Đạt*

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Qua thẩm tra, xã Đồng Than không còn nợ đọng công trình xây dựng cơ bản.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

6.1. Mục tiêu.

Duy trì tiêu chí NTM nâng cao có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn theo quy hoạch, xã hội nông thôn dân chủ ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Huy động tối đa nguồn lực tại địa phương và sự đóng góp hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân để hoàn thiện cơ sở vật chất, Đảng bộ - HĐND - UBND xã tiếp tục tập trung lãnh đạo chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân trong địa phương, tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng cường đầu tư cơ giới hóa vào sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, hướng nghiệp cho người dân chọn và học đúng nghề theo nhu cầu và vận dụng tốt kiến thức được trang bị, tập huấn vào thực tế sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Quyết tâm giữ vững và nâng cao chất lượng của các tiêu chí.

- Tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để đạt mục tiêu đề ra; xây dựng kế hoạch chi tiết, lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành các tiêu chí; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu.

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động xã hội về xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Phát huy, huy động cả hệ thống chính trị, toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Bố trí nguồn vốn để đầu tư đường giao thông, hệ thống kênh tiêu thủy lợi cho các vùng rau và cây ăn quả chuyên canh.

- Rà soát hộ nghèo không thuộc diện bảo trợ xã hội để có chính sách hỗ trợ, phân công các tổ chức, cá nhân giúp đỡ để thoát nghèo.

- Đầu tư trang thiết bị cho trạm y tế để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Thường xuyên làm tốt công tác vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, duy trì tỷ lệ hiện có và phấn đấu 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị, chỉnh trang khuôn viên tại các nhà văn hoá, khu thể thao thôn. Tỷ lệ người dân tham gia các

hoạt động thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 70%. Tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hoá đạt trên 95%.

- Tiếp tục tổ chức trồng thêm cây xanh dọc trên các tuyến đường, công trình công cộng, chỉnh trang khu dân cư, đường làng, ngõ xóm, vườn hộ. Thực hiện tốt việc phân loại và xử lý rác thải tại hộ gia đình.

- BCD làm việc với các thôn để đôn đốc, triển khai việc thiết kế lại hình ảnh nông thôn; để có các tuyến đường cây, vị trí trồng cây bóng mát, đường hoa, vườn hoa; nắp đầy hệ thống rãnh thoát nước đạt 100%, thành lập mỗi thôn 1 tổ bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: đầy đủ theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đồng Than đã được Đoàn thẩm tra nông thôn mới huyện Yên Mỹ thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng: Xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Qua thẩm tra, xã Đồng Than không còn nợ đọng công trình xây dựng cơ bản.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Đoàn thẩm định nông thôn mới tỉnh Hưng Yên thẩm định, trình UBND tỉnh xét, quyết định công nhận xã Đồng Than đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ./.

Nơi nhận:

- BCD các chương trình MTQG tỉnh;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- TT huyện ủy-HĐND huyện;
- BCD xây dựng NTM huyện;
- Văn phòng NTM huyện;
- UBND xã Đồng Than;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Xuân Lương

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024**
Đối với xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2024 của UBND huyện Yên Mỹ)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch			
1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
1.2	Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
1.3	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông			
2.1	Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	$\geq 90\%$	100%	100%
2.2	Về đường thôn và đường liên thôn:			
	Tỷ lệ được vọc cứng hóa và bảo trì hàng năm.	100%	100%	100%
	Tỷ lệ có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	$\geq 90\%$	100%	100%
2.3	Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	$\geq 95\%$	100%	100%
2.4	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai			
3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	$\geq 90\%$	100%	100%
3.2	Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.	≥ 1	1	1
3.3	Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	$\geq 25\%$	100%	100%
3.4	Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.	100%	100%	100%
3.5	Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
	thải xả vào công trình thủy lợi.			
3.6	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Khá	Khá	Khá
4	Điện			
	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	100%	100%	100%
5	Giáo dục			
5.1	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	100%	Đạt	Đạt
5.2	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt	Đạt	Đạt
5.3	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.	Mức độ 3	Mức độ 3	Mức độ 3
5.4	Đạt chuẩn xóa mù chữ.	Mức độ 2	Mức độ 2	Mức độ 2
5.5	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại.	Khá	Hàng năm được đánh giá, xếp loại khá	Hàng năm được đánh giá, xếp loại khá
5.6	Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt	Đạt	Đạt
6	Văn hóa			
6.1	Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.	Đạt	Đạt	Đạt
6.2	Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
6.3	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	≥90%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn			
	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông			
8.1	Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt
8.2	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.		93%	93%
8.3	Có dịch vụ báo chí truyền thông.		100%	100%
8.4	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.		Đạt	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
8.5	Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư			
	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥ 95%	100%	100%
10	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)			
	Năm 2024.	≥ 72	72,95	72,95
11	Nghèo đa chiều			
	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025.	Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	0,59%	0,59%
12	Lao động			
12.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 85%	96,8%	96,8%
12.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥ 35%	48%	48%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn			
13.1	Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.	≥ 1	3	3
13.2	Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.	≥ 1	1	1
13.3	Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.	≥ 1	1	1
13.4	Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.	Đạt	Đạt	Đạt
13.5	Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.	≥ 15%	Đạt	Đạt
13.6	Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Đạt	Đạt
13.7	Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
13.8	Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).	≥ 1	1	1
14	Y tế			
14.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥ 95%	96%	96%

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
14.2	Xã Triển khai quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	Đạt	Đạt
14.3	Xã Triển khai việc khám chữa bệnh từ xa	Đạt	Đạt	Đạt
14.4	Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt
15	Hành chính công			
15.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.	Đạt	Đạt	Đạt
15.2	Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Đạt	Đạt	Đạt
15.3	Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.	Đạt	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật			
16.1	Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.	≥1	1	1
16.2	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành.	≥ 90%	100%	100%
16.3	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	≥ 90%	100%	100%
17	Môi trường			
17.1	Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt	Đạt
17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%	100%
17.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	≥ 98%	100%	100%
17.4	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	≥ 50%	54%	54%
17.5	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	≥ 50%	57%	57%
17.6	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.	100%	100%	100%
17.7	Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	≥ 80%	86%	86%
17.8	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 95%	93,7%	93,7%

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
17.9	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
17.10	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.	≥ 10%	85%	85%
17.11	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	≥ 4m ² /người	4,6m ² /ngư ời	4,6m ² /ngư ời
17.12	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	≥ 90%	91%	91%
18	Chất lượng môi trường sống			
18.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	≥ 65%	89%	89%
18.2	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm.	≥ 80 lít	90 lít	90 lít
18.3	Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	≥ 65%	100%	100%
18.4	Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.	100%	100%	100%
18.5	Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.	Không	Không	Không
18.6	Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
18.7	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.	100%	100%	100%
18.8	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%	100%	100%
19	Quốc phòng và An ninh			
19.1	Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.	Đạt	Đạt	Đạt
19.2	Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
	TỔNG	Đạt	Đạt	Đạt

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**
Đối với xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2024 của UBND huyện Yên Mỹ)

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
1	Quy hoạch		
1.1	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt
1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt
2	Giao thông		
2.1	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100%
2.2	Tỷ lệ đường thôn, đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100%
2.3	Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100%
2.4	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	100%	100%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		
3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥85%	100%
3.2	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt	Đạt
4	Điện		
4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥99%	100%
5	Trường học	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đạt
	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.		
6	Cơ sở vật chất văn hóa		
6.1	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt	Đạt
6.2	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	Đạt
6.3	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		Đạt

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	Theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông	
8.1	Xã có điểm phục vụ bưu chính.		Đạt
8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet.		Đạt
8.3	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt
8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.		Đạt
9	Nhà ở dân cư		
9.1	Nhà tạm, dột nát	Không	Không
9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥90%	100%
10	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)		
	Năm 2021	≥50	
	Năm 2022	≥53	
	Năm 2023	≥56	
	Năm 2024	≥59	72,95
	Năm 2025	≥62	
11	Nghèo đa chiều	Theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	0,59%
	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		
12	Lao động		
12.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥80%	96,8%
12.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥30%	48%
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		
13.1	Hợp tác xã, tổ hợp tác: Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương.	Đạt	Đạt
13.2	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Đạt
13.3	Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt
13.4	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt
13.5	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	Đạt	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo		

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
14.1	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đạt
14.2	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	≥90%	100%
15	Y tế		
15.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	≥90%	96%
15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt
15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤16,5%	10,6%
15.4	Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.	Đạt	Đạt
16	Văn hóa		
16.1	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	≥85%	100%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm		
17.1	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. (trong đó từ hệ thống cấp nước tập trung).	≥95% ≥55%	89% 89%
17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%
17.3	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Đạt	Đạt
17.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.	≥2m ² /người	4,6m ² /người
17.5	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt
17.6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	≥90%	100%
17.7	Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	100%	100%
17.8	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥90%	100%
17.9	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	≥80%	93,7%
17.10	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%
17.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	≥30%	57%
17.12	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	≥65%	91%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		
18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt

TT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
18.2	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt
18.3	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	100%	100
18.4	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt
a	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.	Đạt	Đạt
b	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt	Đạt
c	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt	Đạt
18.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt
18.6	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh		
19.1	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt
19.2	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt

